TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/DS-ST
Ngày: 13/5/2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đồng Thị Mười.

2/ Ông Nguyễn Văn Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân **dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang** tham *gia phiên toà:* Bà Lê Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 533/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-DS ngày 24/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Trúc L, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1944 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lưu Thị Trúc L trình bày:

Bà Nguyễn Thị A là hụi viên chơi hụi do tôi làm chủ hụi, bà A tham gia chơi hụi do tôi làm chủ hụi từ năm 2016 đến năm 2022. Bà A tham gia nhiều dây hụi, hốt hụi nhưng không có tiền đóng hụi chết cho tôi nên tôi cho bà A mượn tiền đóng hụi. Đến ngày 21/12/2021 tôi và bà A chốt lại số tiền bà A còn nợ tôi, xác định bà A nợ tôi 464.000.000 đồng. Đến ngày 02/9/2022 toàn bộ các phần hụi do bà A tham gia chơi hụi đều kết thúc, tôi và bà A chốt lại số tiền xác định bà A còn nợ tôi 175.250.000 đồng. Việc tôi và bà A chốt nợ có làm biên nhận, bà A lăn tay xác nhận. Bà A hẹn đến ngày 21/12/2022 sẽ trả toàn bộ số tiền 639.250.000đồng nhưng không trả. Tôi nhiều lần liên hệ đòi tiền nhưng bà A hứa hẹn mà không trả.

Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị A trả cho tôi số tiền là 639.250.000đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2024 và biên bản hòa giải ngày 12/01/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:* Tôi thừa nhận có nợ chị L số tiền 639.250.000đồng do tôi chơi hụi không có tiền đóng hụi nên mượn của chị L tiền để đóng hụi. Tôi mượn của chị L nhiều lần, sau đó chị L mới chốt nợ làm 02 biên nhận ngày 21/12/2021 và biên nhận ngày 02/9/2022, tôi có lăn tay vào 02 biên nhận này. Nay chị L khởi kiện tôi xin trả dần mỗi năm 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Trả vào ngày 01/7 hàng năm. Trả lần đầu vào ngày 01/7/2024.

Tại phiên tòa, bà Lưu Thị Trúc L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị A phải trả cho bà L số tiền còn nợ là 639.250.000đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là thực hiện không đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà A trả cho bà L số tiền 639.250.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bị đơn bà Nguyễn Thị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà A. Đối với người làm chứng là bà Nguyễn Thị M, Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của bà M nhưng bà M không đồng ý để Tòa án xác minh, lấy lời khai và vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Việc vắng mặt của bà M không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lưu Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay mà bà A còn nợ, việc cho vay hai bên có làm biên nhận nên xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà A có nơi cư trú tại xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2024, biên bản hòa giải ngày 12/01/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị A cũng thống nhất thừa nhận bà A có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà L làm chủ hụi, bà A không có tiền đóng hụi nên vay bà L tiền để đóng hụi. Đến

ngày 21/12/2021 và ngày 02/9/2022 sau khi kết thúc các dây hụi, bà L và bà A chốt lại số tiền bà A còn nợ và xác định bà A còn nợ bà L tổng cộng 639.250.000đồng. Bà A có lăn tay vào "Biên nhận cho mượn tiền" ngày 21/12/2021 và ngày 02/9/2022, thừa nhận còn nợ bà L số tiền như nội dung bà L trình bày nên đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó có căn cứ xác định bà A có vay của bà L và hiện nay còn nợ bà L số tiền là 639.250.000đồng nên yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ.

Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà A trả lại số tiền vay nhưng bà A không thực hiện là vi phạm hợp đồng, có lỗi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bên cho vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu của bà A trình bày hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần số tiền 639.250.000đồng cho bà L theo hình thức mỗi năm trả 30.000.000 đồng, trả vào ngày 01 tháng 7 hàng năm không được phía bà L chấp nhận nên không có căn cứ xem xét yêu cầu này của Ai.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Trúc L.

[4] Về lãi: Bà L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xác minh, lấy lời khai người làm chứng là 500.000 đồng, bà L nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng, bà L tự nguyện chịu chi phí tố tụng, không yêu cầu hoàn lại nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà L, không xem xét việc hoàn trả chi phí tố tụng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Trúc L.

Buộc bà Nguyễn Thị A có trách nhiệm trả cho bà Lưu Thị Trúc L số tiền 639.250.000đồng (Sáu trăm ba mươi chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị A phải chịu 29.570.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại bà Lưu Thị Trúc L 14.785.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002129 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giang